

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Quốc Thắng**- Kiểm Sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc S**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Phạm Thị Ngọc S có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Danh Phó T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Danh Phó T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S trình bày:*

Vào năm 1998, bà Phạm Thị Ngọc S và ông Danh Phó T tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà được Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 254/2002 ngày 10/11/2002.

Qua thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung tên Danh Phạm Hồng N, sinh ngày 14/7/1999; Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 26/3/2001 và Danh

Phạm Hồng T, sinh ngày 06/5/2003. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống, ông bà không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

Nguyên nhân mâu thuẫn: những năm đầu, vợ chồng bà chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc S kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Danh Phó T;

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Sang và ông T có 03 con chung tên Danh Phạm Hồng N, sinh ngày 14/7/1999; Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 26/3/2001 và Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 06/5/2003. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Bà cam kết là vợ chồng bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Danh Phó T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh Trưởng Ban lãnh đạo ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 12/5/2023: Đương sự ông Danh Phó T, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông Danh Phó T có vợ tên là Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1979. Cách đây vài năm, ông T bỏ đi làm ăn xa; tuy nhiên ông T vẫn thường xuyên tới lui tại địa phương; đi làm một thời gian rồi lại về nhà; lần gần đây nhất đương sự T về địa phương là vào khoảng ngày 07/5/2023 đến ngày 09/5/2023 vì thời điểm này là đám cưới con gái ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc S, cho bà Phạm Thị Ngọc S ly hôn với ông Danh Phó T theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: trong quá trình chung sống, bà S và ông T có 03 con chung tên Danh Phạm Hồng N, sinh ngày 14/7/1999; Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 26/3/2001 và Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 06/5/2003, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị

Ngọc S xác định trong quá trình chung sống với ông Danh Phó T thì vợ chồng bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Danh Phó T, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn ông Danh Phó T có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Lợi, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Danh Phó T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc S và ông Danh Phó T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2002 và được Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Phạm Thị Ngọc S và ông Danh Phó T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn với ông Danh Phó T: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Phạm Thị Ngọc S xác nhận sau khi cưới ông bà sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó vợ chồng ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do bất đồng quan điểm với nhau, không tìm được tiếng nói chung và ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà Sang và ông T hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông T có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa bà S vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T và trên thực tế bà S đã ly thân với ông T từ năm 2015 đến nay đã 08 năm, chứng tỏ bà S không còn tự nguyện chung sống với ông T nữa do tình trạng hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc xin ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S xác nhận trong quá

trình chung sống, bà và ông T có 03 con chung tên Danh Phạm Hồng N, sinh ngày 14/7/1999; Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 26/3/2001 và Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 06/5/2003. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà Sang không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà S xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà S cam kết trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc S về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Danh Phó T.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Ngọc S là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Ông Danh Phó T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc S về việc “Tranh chấp ly hôn” với ông Danh Phó T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Ngọc S được ly hôn với ông Danh Phó T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc S và ông Danh Phó T có 03 con chung tên Danh Phạm Hồng N, sinh ngày 14/7/1999; Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 26/3/2001 và Danh Phạm Hồng T, sinh ngày 06/5/2003. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động; bà Sang không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Ngọc S xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc S cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005520 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà S không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Danh Phó T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh